

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/05/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9	7:25	22	0		22	0	
2		AMD+P8+TD3	7:25	1+1+19	0+0+0		1+1+20	0+0+0	
3		TD5+BK15+TD3	7:25	15+3+0	0+0+0		16+5+0	0+0+0	Chuyen 1 TD5-TD3
4		BK10+MRM+P5	9:25	9+7+3	0+0+0		9+9+4	0+0+0	
5		P10+BK3+BK4	9:25	12+6+4	0+0+0		9+8+5	0+0+0	
6		BK8+P2	9:25	4+16	0+0		0+22	0+0	
7		TTCl+P6+BK15	11:25	0+5+6	0+0+0		4+8+10	0+0+0	Chuyen 1 TTCl-P6, Chuyen 1 TTCl-BK15
8		RC10+TD2+P9	11:25	1+3+18	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
9		BK14+PPD+P10	11:25	2+6+14	0+0+0		2+6+14	0+0+0	
10		P9+P11	13:25	9+13	0+0		7+15	0+0	

TTBDSX P2 - Địa người đi BK3 đầy chầy.

1/6 người P9 đi về trong ngày
2/3 người đi P2 qua PPD, 1 ng đi P7 qua TD3



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/05/2023	TO: P9	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:45
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - M.Đức - Huy	ETA: 09:35
VANG - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VINH QUANG	P9	33-34	2	12		72	NAM TIEN	Vietnamese
2	VU VAN TOAN	P9	27	1	3		72	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG TAM	P9	28	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN HOANG	P9	43	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN TUỆ	P9	40	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
6	LE LANG TU	P9	29	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VAN HOA	P9	26	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ĐỨC THANH	P9	44	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	CHU MINH HUNG	P9	41	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THỊ HANG	P9				30	60	NIPI	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN THANG	P9					63	NIPI	Vietnamese
12	HỒ ĐỨC HIEN	P9	31	1	6		57	YTE	Vietnamese
13	NGUYEN ĐỨC CUONG	P9					67	NHA THAU	Vietnamese
14	NGUYEN BA KY	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN THANH HOAI	P9	36	1	10		100	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TUNG	P9	38	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRINH THE NHAN	P9	32	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HUY	P9	42	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN MINH HIEN	P9	30	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HOAI THANH	P9	35	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG ĐỨC HAI	P9	39	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
22	HUA SAY	P9	37	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	22	19	103	1.534	30	22		
TOTAL		22	19	103	1.534	30	22		
WEIGHT KG				103	1.534	30			

GRAND TOAL: 1.667 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/05/2023	TO: AMD - P8 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hạnh - MMinh - MQUÂN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LA THANH	AMD	76,99	2	15	40	74	YTE	Vietnamese
2	DEMIN IURII	P8	76	1	9		99	KHOAN	Russian
3	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	88	1	7	40	74	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM THANH DUNG	TD3	27	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ NGỌC THANH	TD3	98	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	04-06	3	10		81	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG NAM	TD3	91	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÀO LÊ XUÂN SƠN	TD3	89	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN TRỌNG BẢNG	TD3	87	1	12		68	KHOAN	Vietnamese
10	VUÔNG HỮU QUỐC THAI	TD3	92-94	3	18		76	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG THANH TU	TD3					82	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3					79	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC BẢO TỬ	TD3	95	1	7		59	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN QUANG	TD3	03	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ NGỌC CĂN	TD3	08-09	2	20	51	83	CODIEN	Vietnamese
16	TRẦN ANH QUANG	TD3	10	1	10		74	CODIEN	Vietnamese
17	KIỀU TUÂN ANH	TD3	96-97	2	14		85	DVL	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THUẬT	TD3	99,600	2	19		72	DVL	Vietnamese
19	TRẦN VĂN CÂN	TD3	02	1	8		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	1	2	15	74	40	2		
2	P8	1	1	9	99	0	1		
3	TD3	17	22	156	1.256	91	19		
TOTAL		19	25	180	1.429	131	22		
WEIGHT KG				180	1.429	131			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/05/2023	TO: TD5 - BK15 - TD3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: KHOÀN - CHIẾN - Toàn	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN HƯƠNG	TD5	23	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
2	BUI ĐÌNH PHÚC	TD5	30	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM XUÂN THUY	TD5	25	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN VIỆT PHƯƠNG	TD5	18-19	2	10		70	YTE	Vietnamese
5	TU DƯƠNG DỪNG	TD5	20	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	CAO ĐỨC HAI	TD5	21	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VIÊN	TD5	27	1	5	15	72	KHOAN	Vietnamese
8	TELESHENKO IVAN	TD5	26	1	10		110	KHOAN	Russian
9	DƯƠNG THANH TÙNG	TD5	31	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	SOTRIVEX IGOR	TD5	32	1	5		102	KHOAN	Russian
11	NGUYỄN HOANG LONG	TD5	33	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ MẠNH HÙNG	TD5					80	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	TD5	28-29	2	5		72	ANTOAN	Vietnamese
14	ĐỖ THANH HAI	TD5	22	1	5		65	DVL	Vietnamese
15	ĐỖ HOÀI THANH	TD5	34	1	5		75	DVL	Vietnamese
16	HÀ THANH TÙNG	TD5	24	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NAM	BK15	85	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯU TIẾN THANH	BK15	82	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
19	LƯƠNG XUÂN THAI	BK15	83-84	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	16	17	85	1.238	15	16	1	CHUYEN 01 PAX TU TD5 SANG TD3
2	BK15	3	4	25	232	40	5		
3	TD3	0	0	0	0	10	1		
TOTAL		19	21	110	1.470	65	22		
WEIGHT KG				110	1.470	65			

GRAND TOAL: 1.645 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/05/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	TO: BK10 - MRM - P5	CREW: KHOAN - CHIEN - Toan	ETA: 09:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN CUONG	BK10	97-98	2	10		87	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN CONG HOAN	BK10	90	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN KHAI	BK10	91-92	2	17		74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGHIEM XUAN ANH	BK10	95	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
5	DO TUAN VIET	BK10	96	1	6	12	67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUNG DUNG	BK10	89	1	11		78	DVL	Vietnamese
7	LE HOAI THIEN	BK10	88	1	15		76	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HIEU	BK10	94	1	14		88	DVL	Vietnamese
9	MAI CAO DINH	BK10	93	1	8		58	PSV	Vietnamese
10	VU HIEN GIANG	MRM				143	68	SEAMAP	Vietnamese
11	PHAM HAI DANG	MRM	58-59	2	16		70	SEAMAP	Vietnamese
12	PHAM VAN TRI	MRM	05	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
13	LE NGOC LUAN	MRM	06	1	11		72	KHOAN	Vietnamese
14	MAI TUAN KIET	MRM	08	1	9		77	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG HUE	MRM	57	1	12		58	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG HAI LAM	MRM	07	1	5		70	NIPI	Vietnamese
17	BUI VAN BAC	P5				31	77	KH-THAC	Vietnamese
18	LE BA TU	P5	88	1	7		68	CODIEN	Vietnamese
19	DAO VAN THANG	P5	87	1	9		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	9	11	90	655	12	9		
2	MRM	7	7	63	488	143	9		
3	P5	3	2	16	200	31	4		
TOTAL		19	20	169	1.343	186	22		
WEIGHT KG				169	1.343	186			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/05/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	TO: P10 - BK3 - BK4	CREW: VThắng - M.Đức - Huy	ETA: 11:40
XANH-2			

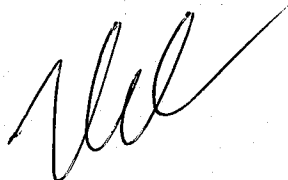
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN PHÚ	P10	16	1	6	20	75	YTE	Vietnamese
2	BADIKOV M.F.	P10	04	1	3		71	KH-THAC	Russian
3	TRẦN VĂN THĂNG	P10	02	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN HUƠNG	P10	13-15	3	34		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN THAO	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ THANH LIÊM	P10	05	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CƯƠNG	P10	10	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	06	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ĐĂNG HOANG	P10	08-09	2	16		64	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG SỸ NGUYỄN	P10	11	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
11	TRỊNH XUÂN QUAN	P10	12	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUANG TRƯỞNG	P10	07	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	THÁI HAI HÀ	BK3	78	1	3	50	61	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ CÔNG VINH	BK3	80	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI TRẦN VIỆT	BK3	79	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN SA	BK3	77	1	5		66	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN HUU NGHI	BK3	84	1	7		60	NHATHAU	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH TAT	BK3	85-86	2	15		67	NHATHAU	Vietnamese
19	VŨ DUY KHÁNH	BK4	79	1	9	30	67	KH-THAC	Vietnamese
20	TÔNG TRUNG HUY	BK4	82	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HOÀNG ĐAN	BK4	81	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN DINH DINH	BK4	80	1	4		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

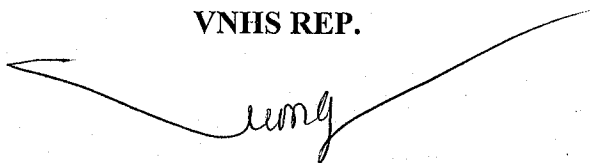
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	12	14	101	885	20	9		
2	BK3	6	7	41	391	50	8		
3	BK4	4	4	25	275	30	5		
TOTAL		22	25	167	1.551	100	22		
WEIGHT KG				167	1.551	100			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/05/2023	TO: BK8 - BK3 - P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Hạnh - MMinh - MQUÂN	ETA: 11:45
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HUY	BK8	70	1	14	50	77	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TRUNG HIỆU	BK8	72-73	2	20		79	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VĂN TIẾP	BK8	74-75	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HOANG AN	BK8	71	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	13	1	6	45	68	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ VĂN NAM	P2	08	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ HỮU LINH	P2	02	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG THANH TRUNG	P2	06	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ VĂN NGHỊ	P2	10	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TUNG	P2	05	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯU VĂN TỰ	P2	12	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	THAI HOANG TÂM	P2	09	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM THIÊN NAM	P2	11	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	BIỆN ĐĂNG SÂM	P2	01	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
16	PHUNG CÔNG DUY	P2	04	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	03	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ĐÌNH ĐẠI	P2	07	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG MINH QUAN	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN HỮU KHANH	P2	14	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	4	6	61	306	50	0		CHUYỂN 01 PAX TỪ BK3 SANG P2
2	BK3 (Khô ha) Hữu BK3	0	0	0	0	0	0		
3	P2	16	14	79	1.128	45	22		
TOTAL		20	20	140	1.434	95	22		
WEIGHT KG				140	1.434	95			

GRAND TOTAL: 1.669 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/05/2023	TO: TTC1 - P6 - BK15	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Mạnh - DTùng	ETA: 11:50
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MIRSAIAPOV RUSLAN	P6	40	1	6		105	KH-THAC	Russian
2	VU DINH HOAN	P6	42-43	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VIET BUNG	P6	38-39	2	8		48	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN DUY CANH	P6	41	1	9		53	PSV	Vietnamese
5	VUONG DUC HUY	P6	18	1	14		98	PSV	Vietnamese
6	PHAN QUANG HOANG	BK15	88	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HUU HAU	BK15	92-93	2	11		85	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM TIEN DUNG	BK15	91	1	11		72	CODIEN	Vietnamese
9	PHAM VAN HUAN	BK15	89	1	7		60	CODIEN	Vietnamese
10	HOANG VAN PHUONG	BK15	94-95	2	5		64	PSV	Vietnamese
11	BUI KIEN DUC	BK15	90	1	10		88	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	0	0	0	0	0	4	2	CHUYEN 1 PAX TTC1-P6; CHUYEN 1 TTC1-BK15
2	P6	5	7	52	384	0	8		
3	BK15	6	8	52	434	0	10		
TOTAL		11	15	104	818	0	22		
WEIGHT KG				104	818	0			

GRAND TOAL: 922 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/05/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	TO: RC10 - TD2 - P9	CREW: TUYỀN - NPhú - Vũ	ETA: 14:00
XANH-3			

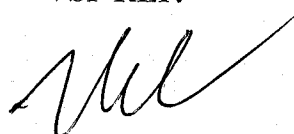
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA QUANG TRUNG	RC10	45-46	2	22	50	55	KH-THAC	Vietnamese
2	MULNIUCHKIN V.V	TD2	41	1	15		90	DVL	Russian
3	NGUYỄN VÕ ĐÌNH DUY	TD2	44-45	2	18	22	75	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN NGỌC	TD2	42-43	2	10		66	DVL	Vietnamese
5	VŨ NAM GIANG	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRÌNH HUY KHIEM	P9					72	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN HƯƠNG	P9	04	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	10	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ TUẤN MẠNH	P9	22	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN NGỌC ĐỘ	P9	08-09	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ NGỌC ANH	P9	20-21	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC LONG	P9	11	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ QUANG DƯƠNG	P9	05-06	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐẶNG VĂN CHUÂN	P9	03	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
15	VŨ NGUYỄN MINH PHƯỚC	P9	01-02	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
16	HOÀNG VĂN THUYẾT	P9	07	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN XUÂN TRUONG	P9	23-24	2	15		80	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ QUỐC THỤY	P9	15	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
19	CÚ THỂ CÀNH	P9	18-19	2	14		65	XAYLAP	Vietnamese
20	LẠI XUÂN ĐUỐC	P9	14	1	8		68	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM VĂN CÔNG	P9	12-13	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN XUÂN THÀNH	P9	16-17	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC10	1	2	22	55	50	0		
2	TD2	3	5	43	231	22	4		
3	P9	18	24	191	1.235	0	18		
TOTAL		22	31	256	1.521	72	22		
WEIGHT KG				256	1.521	72			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/05/2023	TO: BK14 - PPD - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Dương - ĐNam - HIẾU	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOSTIKIN	BK14	50	1	15	35	130	NIPI	Russian
2	KODISVARAN JAYARAMAN	PPD	64-65	2	15		62	KHI	Malaysian
3	PHAN VĂN THĂNG	PPD	63	1	3	20	71	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO VIỆT HÙNG	PPD	66	1	9		60	KHI	Vietnamese
5	PHẠM THẾ THUẬN	PPD	67	1	6		55	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN KIẾN	PPD	55	1	6		60	PSV	Vietnamese
7	HOÀNG QUỐC LONG	PPD	56	1	5		58	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	48	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	49	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ LỆNH ĐÀO	P10	50	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ TRƯỞNG THỊNH	P10	35	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	42	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM TIẾN PHƯỢNG	P10	47	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN BẢO TOÀN	P10	46	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ PHƯƠNG HƯƠNG	P10	37	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH CÔNG VĂN	P10	41	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH XUÂN TOÀN	P10	38-39	2	15		62	T-TIN	Vietnamese
18	NGUYỄN THẾ HOÀNG	P10	43-44	2	10		88	T-TIN	Vietnamese
19	PHAN XUÂN LONG	P10	40	1	5		60	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN AI	P10	36	1	3		52	PSV	Vietnamese
21	PHAN THANH NAM	P10	45	1	10		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	1	1	15	130	35	2		
2	PPD	6	7	44	366	20	6		
3	P10	14	16	98	981	0	14		
TOTAL		21	24	157	1.477	55	22		
WEIGHT KG				157	1.477	55			

GRAND TOAL: 1.689 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/05/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:00
FLIGHT:	TO: P9 - P11	CREW: TUYỀN - NPhú - Vũ	ETA: 16:10
HONG-4			

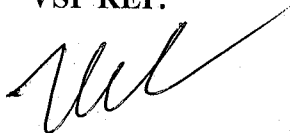
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC TUYỀN	P9	25-26	2	20		76	XAYLAP	Vietnamese
2	NHÂM ĐÌNH THUẬN	P9	51-52	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN MẠNH	P9	27	1	20		58	XAYLAP	Vietnamese
4	NGÔ NGỌC SỰ	P9	28-29	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐIỀU VĂN THÔNG	P9	49-50	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN MINH	P9	30	1	15	10	75	T-TIN	Vietnamese
7	TRẦN QUANG HUY	P9	32	1	10		16	T-TIN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG THÀNH	P9	48	1	6		72	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CHIÊU	P9	33	1	6		66	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN KIM SƠN	P11	79	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P11	85-86	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO THIÊN THUẬT	P11	78	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
13	DƯƠNG CÔNG PHỤNG	P11	80-81	2	14	50	79	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUY TOÀN	P11	87	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	P11	82	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐÀO ĐỨC THAI	P11	84	1	15		87	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN SOAI	P11	77	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ TRỌNG HUNG	P11	73-74	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN HUNG LONG	P11	72	1	14		57	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐỖ LY KHANH	P11	75	1	8		86	PSV	Vietnamese
21	LÊ THANH HAI	P11	76	1	7		62	PSV	Vietnamese
22	ĐỖ QUANG KHAI	P11	83	1	8		85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	9	13	137	563	10	7		
2	P11	13	16	123	945	50	15		
TOTAL		22	29	260	1.508	60	22		
WEIGHT KG				260	1.508	60			

GRAND TOAL: 1.778 KGS + 50 kg

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/05/2023	TO: P2	AIRCRAFT: 619	ETD: 13:20
FLIGHT: CCKT	FROM: VT	CREW: HHai - VUONG	ETA: 1800

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CHIEN THANG	P2	80-81	2	20		69	VSP	Vietnamese
2	NGUYEN VAN BAO	P2	78	1	8		65	VSP	Vietnamese
3	VU VAN DUC	P2	82-83	2	15	132	70	VSP	Vietnamese
4	TRAN DUY THONG	P2	77	1	7		78	VSP	Vietnamese
5	LE XUAN HAI	P2	79	1	5		65	VSP	Vietnamese
6	NGUYEN TRUNG THANH	P2	84-85	2	12		68	VSP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	6	9	67	415	132	3		THAO 06 CHO CHO HANG
	TOTAL	6	9	67	415	132	3		
	WEIGHT KG			67	415	132			

GRAND TOAL: 614 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Fuel: 1500 kg (HAI)